

Tuần 23

Ngày soạn: 01/03/2025

Tiết 41

Ngày dạy: 03/03/2025

BÀI 30: THỰC HÀNH PHÂN LOẠI THỰC VẬT

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Sau khi học xong bài này, HS:

- + Phân loại được các mẫu vật và phân chia chúng vào các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học

2. Năng lực

2.1 Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân tìm hiểu các nhóm thực vật xung quanh
- + Giao tiếp và hợp tác: Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung về mô tả đặc điểm đại diện các nhóm thực vật. Vẽ được sơ đồ khoá lưỡng phân biểu diễn kết quả; Đánh giá kết quả đạt được của nhóm để nhận thấy thực vật đa dạng xung quanh ta
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng nhận dạng đặc điểm các đại diện thực vật và xây dựng tiêu chí phân loại nhóm; Viết báo cáo, trình bày và thảo luận về khoá lưỡng phân.

2.2 Năng lực khoa học tự nhiên

- + Nhận thức khoa học tự nhiên: Phân biệt được các nhóm thực vật trong vườn trường hoặc ở địa phương
- + Tìm hiểu tự nhiên: Suur tầm được các mẫu vật thực vật trong vườn trường, địa phương, trong thành phố, ...
- + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Thực hành phân loại được các mẫu vật và phân chia chúng vào các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại.

3. Phẩm chất

- + Khách quan, trung thực, có trách nhiệm trong buổi thực hành;

- + Kiên trì, tỉ mỉ, cẩn thận trong quá trình quan sát, thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng
- + Ham học hỏi, khám phá sự đa dạng trong thế giới thực vật;
- + Có ý thức sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ cây xanh trong vườn trường và khu dân cư.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: dụng cụ (kính lúp, kéo, bút chì, nhãn dán, thực vật có sẵn, bộ tranh/ảnh đại diện các nhóm thực vật), slide thuyết trình, máy chiếu,....

2 . Đối với học sinh : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a. Mục tiêu: tạo hứng thú cho HS tìm hiểu về bài học

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Gv dẫn dắt, đặt vấn đề từ câu hỏi phân khởi động:

Ở bài trước chúng ta đã học về thực vật và vai trò của thực vật. Đến với bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ thực phân loại được các mẫu vật và phân chia chúng vào các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Thực hành phân loại các nhóm thực vật

a. Mục tiêu: HS sưu tầm và phân loại một số tranh/ ảnh hoặc mẫu thực vật trong vườn trường, địa phương, thành phố nơi em sống.

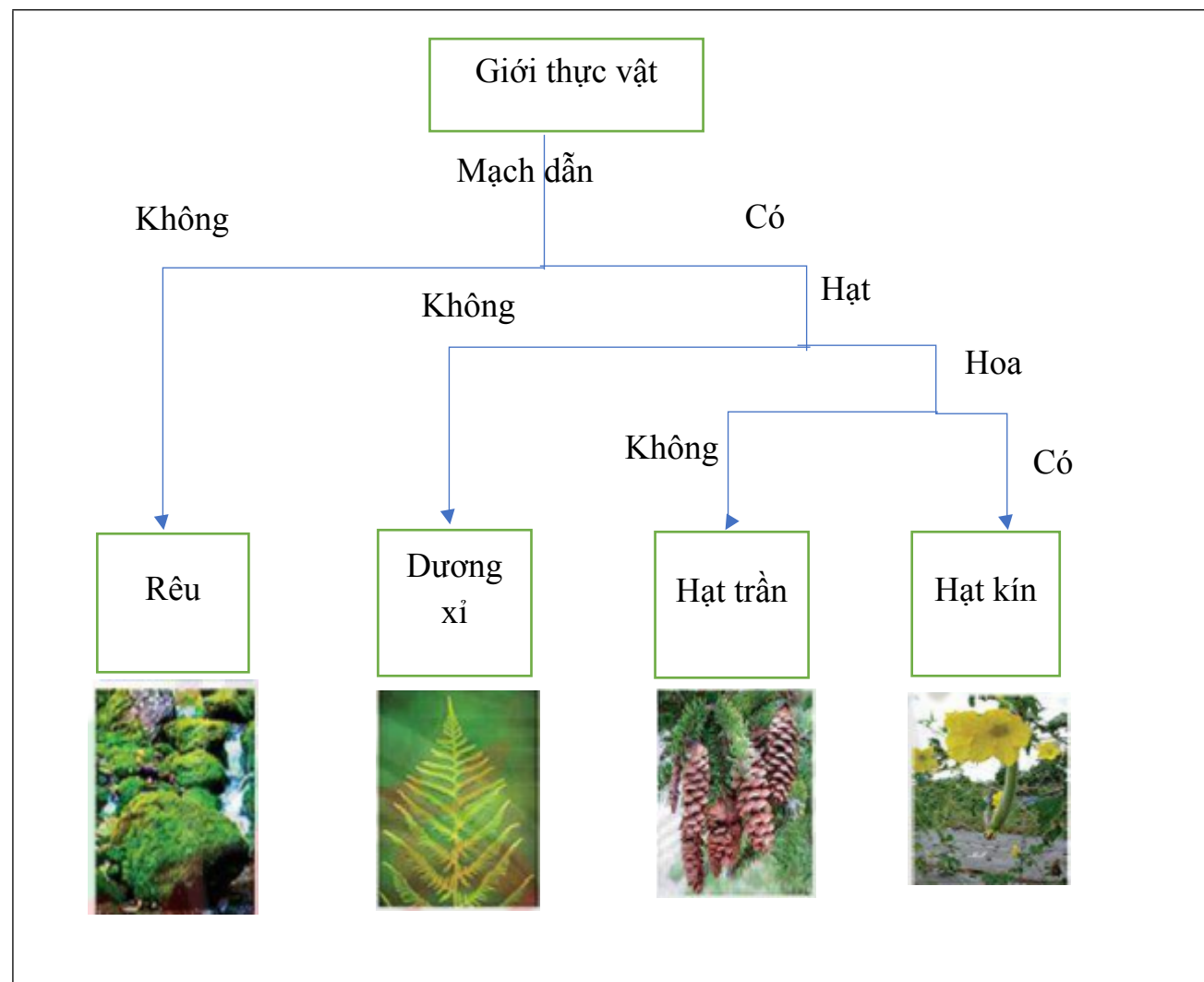
b. Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV lựa chọn địa điểm thuận lợi, an toàn, phù hợp với điều kiện địa phương; tổ chức cho HS tham quan, quan sát, nhận biết một số đại diện thuộc các nhóm thực vật đã học. GV chia lớp thành các nhóm cụ thể, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm. GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm làm bộ sưu tập ảnh của một nhóm thực vật khác nhau, hoặc giao cùng một nhiệm vụ cho các nhóm để các nhóm thi đua với nhau về số lượng và chất lượng của bộ sưu tập. GV hướng dẫn HS lập bảng thực hành phân loại các nhóm thực vật theo mẫu PHT1 - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS Hoạt động theo nhóm đôi, quan sát theo hướng dẫn GV - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận GV gọi HS trả lời, HS còn lại nghe và nhận xét - Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV gợi ý HS rút ra kết luận như SGK.	2. Cách tiến hành <i>a. Thực hành phân loại các nhóm thực vật</i> + Bước 1: Quan sát và xác định đặc điểm đặc trưng của mẫu vật: rễ, thân, lá, hoa, quả + Bước 2: Phân loại mẫu vật theo nhóm + Bước 3: Xây dựng sơ đồ khóa lưỡng phân HS tự xây dựng sơ đồ khóa lưỡng phân về các nhóm thực vật



C. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HÀNH

a. Mục tiêu : HS báo cáo kết quả thực hành trên giấy A₀ hoặc chuẩn bị trên Power Point dạng sơ đồ tư duy

b. Nội dung : HS ghi lại những gì quan sát được trả lời câu hỏi vào phiếu Báo cáo kết quả thực hành

c. Sản phẩm: tranh ảnh sưu tầm và sơ đồ khóa lưỡng phân

d. Tổ chức thực hiện: GV yêu cầu HS chuẩn bị báo cáo bà báo cáo kết quả thực hành các nội dung sau:

1. Bộ sưu tập tranh/ ảnh về các nhóm thực vật
 2. Sơ đồ khóa lưỡng phân phân loại các nhóm thực vật đã được quan sát và phân loại trong bài thực hành
- HS viết và trình bày báo cáo theo yêu cầu GV

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu : Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

b. Nội dung : HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm : HS làm các bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS nghiên cứu thực hiện hoạt động thực hành làm mẫu ép lá cây như các bước trong SGK (Hs có thể làm tại nhà)

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

*** Chuẩn bị ở nhà**

Hướng dẫn HS tự học ở nhà và chuẩn bị bài tiết học tiếp theo:

- Hoàn thành bài tập ở nhà: hoàn thành hoạt động vận dụng và làm bài tập sách giáo khoa.
- Chuẩn bị cho bài ôn tập về thực vật

Tuần 24

Ngày soạn: 04/03/2025

Tiết 42

Ngày dạy: 10/03/2025

ÔN TẬP VỀ THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Sau khi học xong bài này, HS:

- + Ôn tập lại kiến thức đã học về thực vật
- + Hoàn thiện giải một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập
- + Giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe, chia sẻ với bạn cùng nhóm để thực hiện nội dung ôn tập
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- + Nhận thức khoa học tự nhiên: hệ thống hoá được kiến thức về thực vật, thông qua đó nêu được vai trò của thực vật.
- + Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học: vận dụng kiến thức đã học tham gia giải quyết các nhiệm vụ ôn tập

3. Phẩm chất

- + Trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và bài ôn tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: chuẩn bị giấy khổ A3, bài tập cho Hs ôn tập

2. Chuẩn bị của học sinh : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a. Mục tiêu: Tạo hứng khởi cho HS vào bài

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Ở bài 40, chúng ta đã nghiên cứu về thực vật. Đồng thời các em được thực hành quan sát tìm thực vật...

Bài ôn tập ngày hôm nay, chúng ta sẽ đi ôn tập và hoàn thiện bài tập để củng cố lại những kiến thức mà chúng ta đã học.

B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

Hoạt động: Hệ thống hóa kiến thức

a. Mục tiêu: HS hệ thống hóa được kiến thức về thực vật

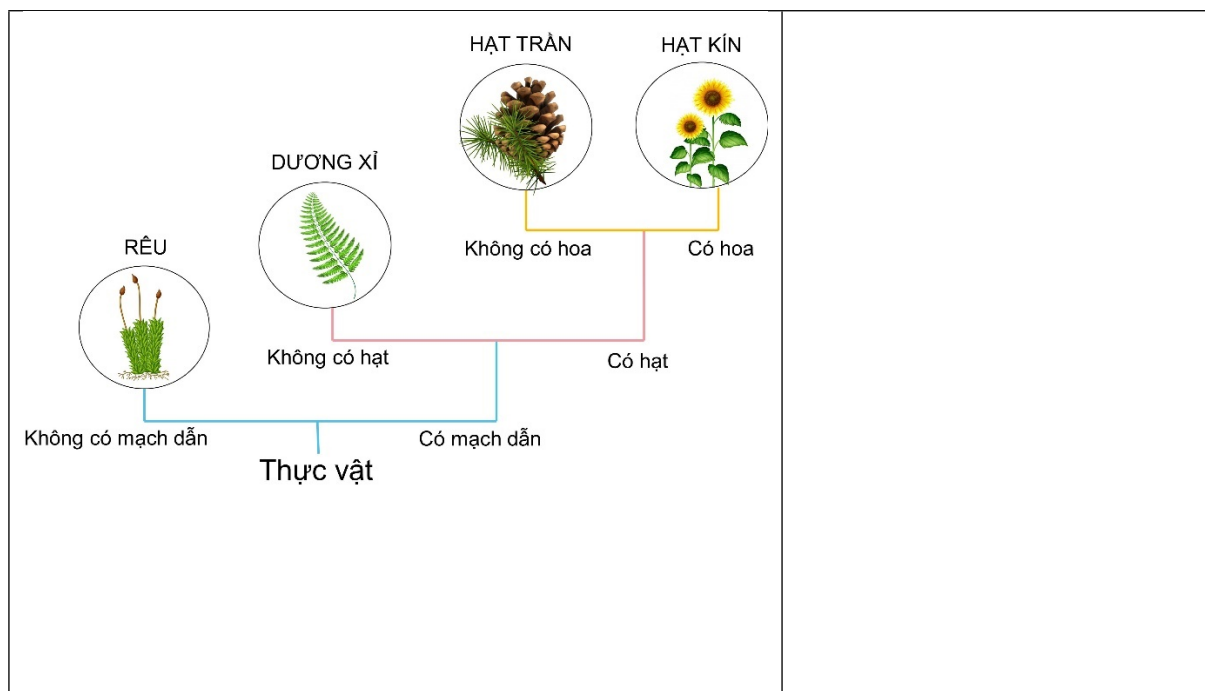
b. Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

Dương xỉ	- Có hệ mạch dẫn, rễ, thân, lá chính thức - Sinh sản bằng bào tử	Nơi đất ẩm, chân tường, dưới tán cây trong rừng	Dương xỉ	
Hạt trần	- Thân gỗ, có mạch dẫn trong thân - Chưa có hoa và quả, cơ quan sinh sản là nón, hạt nằm lộ trên noãn	Trên cạn	Thông	
Hạt kín	- Hệ mạch dẫn hoàn thiện, các cơ quan rễ, thân, lá biến đổi đa dạng. - Cơ quan sinh sản là hoa, hạt được bảo vệ trong quả.	Đa dạng	Táo, đậu xanh, cà chua	



Vai trò của thực vật

- *Vai trò của thực vật trong tự nhiên:*

- + Thức ăn của nhiều loài sinh vật khác.
- + Cung cấp nơi ở, nơi sinh sản cho nhiều loài sinh vật.
- + Góp phần giữ cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxide trong không khí, điều hòa khí hậu.
- + Chống xói mòn đất.

- *Vai trò của thực vật trong thực tiễn:*

- + Cung cấp lương thực, thực phẩm.
- + Làm thuốc.
- + Nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.

- + Làm cảnh.
- + Một số Thực vật có chứa độc tố hoặc chất kích thích gây nghiện, có hại có sức khỏe con người.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP+ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS giải một số bài tập phát triển năng lực KHTN cho chủ đề

b. Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập vận dụng kiến thức đã học:

Câu 1: Đại diện nào dưới đây không thuộc ngành Thực vật?

A. Rêu tường

B. Dương xỉ

C. Tảo lục

D. Rong đuôi chó

Câu 2: Cơ quan sinh sản của ngành Hạt trần được gọi là gì?

A. Bào tử

B. Nón

C. Hoa

D. Rễ

Câu 3: Đại diện nào dưới đây không thuộc ngành hạt kín?

A. Bèo tấm

B. Nong tằm

C. Rau bợ

D. Rau sam

Câu 4: Đặc điểm nào dưới đây không phải của các thực vật thuộc ngành Hạt kín?

- A. Sinh sản bằng bào tử**
- B. Hạt nằm trong quả
- C. Có hoa và quả
- D. Thân có hệ mạch dẫn hoàn thiện

Câu 5: Cây rêu thường mọc ở nơi có điều kiện như thế nào?

- A. Nơi khô ráo
- B. Nơi ẩm ướt**
- C. Nơi thoáng đãng
- D. Nơi nhiều ánh sáng

Câu 6: Ổ dương xỉ, ổ túi bào tử thường nằm ở đâu?

- A. Trên đỉnh ngọn
- B. Trong kẽ lá
- C. Mặt trên của lá
- D. Mặt dưới của lá**

Câu 7: Cho các vai trò sau:

- (1) Cung cấp thức ăn, nơi ở cho một số loài động vật
- (2) Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người
- (3) Cung cấp nguyên liệu, vật liệu cho các ngành sản xuất
- (4) Cân bằng hàm lượng oxygen và carbon dioxide trong không khí
- (5) Làm cảnh
- (6) Chứa độc tố gây hại cho sức khỏe con người

Đâu là những vai trò của thực vật trong đời sống?

- A. (1), (3), (5)
- B. (2), (4), (6)

C. (2), (3), (5)

D. (1), (4), (6)

Câu 8: Nhóm thực vật nào dưới đây có đặc điểm có mạch, không noãn, không hoa?

A. Rêu

B. Dương xỉ

C. Hạt kín

D. Hạt trần

Câu 9: Hành động nào dưới đây góp phần bảo vệ thực vật?

A. Du canh du cư

B. Phá rừng làm nương rẫy

C. Trồng cây gây rừng

D. Xây dựng các nhà máy thủy điện

Câu 10: Loại thực vật nào dưới đây có chứa chất độc gây hại đến sức khỏe của con người?

A. Cây trúc đào

B. Cây gọng vó

C. Cây tam thất

D. Cây giảo cổ lam

Câu 11: Tính đa dạng của thực vật được biểu hiện ở điều nào sau đây ?

A.Số lượng các loài.

B.Số lượng các cá thể trong mỗi loài.

C.Môi trường sống của mỗi loài.

D.Tất cả các phương án đưa ra.

Câu 12: Ở Việt Nam đã phát hiện bao nhiêu loài thực vật:

A.Khoảng 12 000 loài

B.Khoảng 13 000 loài

C.Khoảng 14 000 loài

D.Khoảng 15 000 loài

Câu 13: Thực vật sống ở nơi nào trên Trái Đất?

A.Trên cạn, dưới nước, đầm lầy

B.Đồi núi, trung du, đồng bằng

C.Sa mạc, hàn đới, ôn đới, nhiệt đới

D.Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 14: Tại sao ở hoang mạc ít thực vật?

A.Khí hậu khắc nghiệt

B.Môi trường sống chỉ có sa mạc cát

C.Mưa ít

D.Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 15: Thế giới thực vật chia làm mấy nhóm?

A.2

B.3

C.4

D.5

Câu 16: Thực vật có mạch được chia làm mấy nhóm chính?

A.2

B.3

C.4

D.5

Câu 17: Trong các thực vật sau, loại nào cơ thể có cả hoa, quả và hạt?

A.Cây bưởi

B.Cây vạn tuế

- C.Nêu tản
- D.Cây thông

Câu 18: Ở dương xỉ, các túi bào tử nằm ở đâu?

- A.Mặt dưới của lá.**
- B.Mặt trên của lá.
- C.Thân cây.
- D.Rễ cây

Câu 19: Theo phân loại của Whittaker đại diện nào sau đây không thuộc nhóm Thực vật?

- A.Rêu.
- B.Thông.
- C.Xương rồng.
- D.Tảo lục.**

Câu 20: Em hãy tìm ra cây có đặc điểm môi trường sống khác với các cây còn lại.

- A.Cây khoai tây.
- B.Cây dừa.
- C.Cây sen.**
- D.Cây cau.

- GV cho HS trình bày trước lớp kết quả hoạt động

- GV nhận xét kết luận :

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
--------------------	----------------------	------------------	---------

- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	
--	---	--	--

V. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

*** Chuẩn bị ở nhà**

Hướng dẫn HS tự học ở nhà và chuẩn bị bài tiết học tiếp theo:

- Hoàn thành bài tập ở nhà: hoàn thành hoạt động vận dụng và làm bài tập
- Chuẩn bị cho bài ôn tập giữa kì 2

Tuần 25

Ngày soạn: 04/03/2025

Tiết 43

Ngày dạy: 17/03/2025

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Sau khi học xong bài này, HS:

- + Ôn tập lại kiến thức đã học
- + Hoàn thiện giải một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên
- + Chuẩn bị cho bài kiểm tra giữa kì 2

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập
- + Giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe, chia sẻ với bạn cùng nhóm để thực hiện nội dung ôn tập
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- + Nhận thức khoa học tự nhiên: hệ thống hoá được kiến thức về nấm và thực vật, thông qua đó nêu được vai trò của nấm và thực vật
- + Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học: vận dụng kiến thức đã học tham gia giải quyết các nhiệm vụ ôn tập

3. Phẩm chất

- + Trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và bài ôn tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: chuẩn bị giấy khổ A3, bài tập cho Hs ôn tập

2. Chuẩn bị của học sinh : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a. Mục tiêu: Tạo hứng khởi cho HS vào bài

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Ở chủ đề 8, chúng ta đã nghiên cứu về phân loại thế giới sống, Virus, Vi khuẩn, nguyên sinh vật, nấm. Đồng thời các em được thực hành quan sát tìm hiểu vi khuẩn, làm sữa chua...

Bài ôn tập ngày hôm nay, chúng ta sẽ đi ôn tập và hoàn thiện bài tập để củng cố lại những kiến thức mà chúng ta đã học ở chủ đề này

B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

Hoạt động: Hệ thống hóa kiến thức

a. Mục tiêu: HS hệ thống hóa được kiến thức về đa dạng thế giới sống

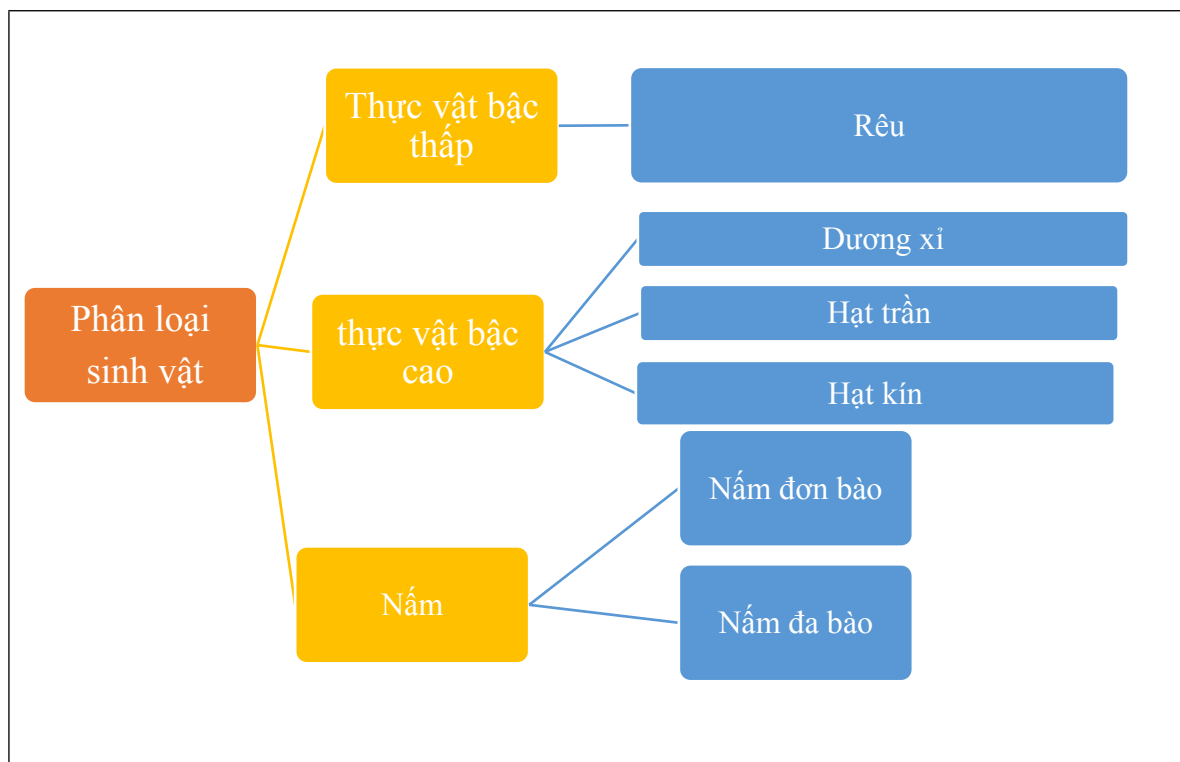
b. Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm với kỹ thuật sơ đồ tư duy. GV hướng dẫn HS thiết kế sơ đồ tư duy để tổng kết những kiến thức cơ bản của chủ đề - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS Hoạt động theo nhóm từ 4-6 người, vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi đại diện các nhóm lần lượt lên trình bày sơ đồ tư duy của nhóm mình - Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV nghe và nhận xét, chọn nhóm trình bày tốt nhất	HS vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức vào giấy A3
--	---



C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP+ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS giải một số bài tập phát triển năng lực KHTN cho chủ đề

b. Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập vận dụng kiến thức đã học:

A. NẤM

1. NHẬN BIẾT (6 câu)

Câu 1: Em biết gì về nấm?

Trả lời:

Nấm là sinh vật nhân thực, thành tế bào cấu tạo bằng chất kitin. Nấm là sinh vật dị dưỡng, lấy thức ăn là các chất hữu cơ.

Câu 2: Nấm có cấu tạo như thế nào?**Trả lời:**

Nấm có dạng cơ thể đơn bào và đa bào. Nấm đa bào có các sợi nấm phân nhánh tạo ra hình dạng của nấm. Một số nấm lớn có cơ quan sinh sản là thể quả (gọi là mũ nấm).

Câu 3: Sự đa dạng của nấm được thể hiện như thế nào?**Trả lời:**

- Môi trường sống của nấm rất đa dạng. Chúng có thể sống cộng sinh hoặc kí sinh trên cơ thể thực vật, động vật, con người hoặc sống trên đất ẩm, rơm rạ, thân cây gỗ mục,...
- Nấm rất đa dạng về hình thái, được phân loại thành nhiều nhóm như nấm túi, nấm đảm và nấm tiếp hợp.

Câu 4: Dựa vào tiêu chí nào để chia nấm thành các nhóm khác nhau?**Trả lời:**

Dựa vào cấu trúc của cơ quan tạo bào tử, nấm được chia thành một số nhóm, đại diện như:

- Nấm túi: sinh sản bằng bào tử túi, ví dụ: nấm mốc đen bánh mì, nấm men rượu,...
- Nấm đảm: sinh sản bằng bào tử đảm, ví dụ: nấm rơm, nấm hương, nấm sò, nấm linh chi,...
- Nấm tiếp hợp: bao gồm các loài nấm mốc sinh trưởng nhanh gây ra sự ôi thiu của thức ăn như bánh mì, đào, dâu, khoai lang,... trong quá trình cất trữ..

Câu 5: Nêu vai trò của nấm.**Trả lời:**

- Trong tự nhiên, nấm tham gia vào quá trình phân huỷ chất thải và xác động vật, thực vật thành các chất đơn giản cung cấp cho cây xanh và làm sạch môi trường.
- Nhiều loại nấm được sử dụng trực tiếp làm thức ăn.
- Trong công nghiệp chế biến thực phẩm, nấm men được sử dụng trong sản xuất bánh mì, bia, rượu,...; nấm mốc được sử dụng trong sản xuất tương,...

Câu 6: Kể tên một số bệnh do nấm gây ra.

Trả lời:

Để phòng bệnh nấm da cần vệ sinh cơ thể sạch sẽ. Không dùng chung đồ dùng cá nhân như quần áo, khăn mặt,... với người đang bị bệnh nấm da. Khi bị nấm da cần đến cơ sở y tế để khám và điều trị bệnh.

2. THÔNG HIỂU (4 câu)

Câu 1: Kể tên một số loại nấm túi, nấm đảm, nấm tiếp hợp.

Trả lời:

- Nấm túi: nấm mốc đen bánh mì, nấm men rượu,...
- Nấm đảm: nấm rơm, nấm hương, nấm sò, nấm linh chi,...
- Nấm tiếp hợp: nấm mốc,...

Câu 2: Nấm độc thường có đặc điểm gì?

Trả lời:

Các loại nấm màu sắc sặc sỡ, có mùi hấp dẫn, vết cắt có rỉ chất trắng như sữa và nấm mọc hoang dại thường là nấm có độc.

Câu 3: Kể tên một số loại nấm được dùng làm thuốc.

Trả lời:

Một số loại nấm được sử dụng làm thuốc như: nấm linh chi, đông trùng hạ thảo,...

Câu 4: Nấm thường phát triển mạnh trong điều kiện nào?

Trả lời:

- Nhiệt độ: đa số nấm phát triển mạnh trong điều kiện nhiệt độ cao, nhiệt độ tối ưu trong nuôi cấy nấm là 25 - 35°C
- Độ ẩm: Nấm phát triển mạnh khi điều kiện độ ẩm không khí cao, hầu hết các nấm sợi không phát triển khi độ ẩm không khí dưới 70%, ngược lại nấm phát triển mạnh khi độ ẩm không khí trên 70%.
- pH: Nấm có thể phát triển trong dải pH rộng (1- 9) nhưng nấm ưa axit. Ở môi trường trung tính hoặc kiềm nhẹ vi khuẩn phát triển mạnh hơn nấm, ở pH axit nấm cạnh tranh có hiệu quả với vi khuẩn, ở pH 4 - 6 nấm có thể loại trừ hẳn vi khuẩn ra khỏi môi trường nuôi cấy.

3. VẬN DỤNG (4 câu)

Câu 1: Người ta thường sử dụng loại nấm nào khi làm bia? Chúng có đặc điểm gì?

Trả lời:

Người ta thường sử dụng loại nấm men khi làm bia. Nấm men dùng trong sản xuất bia thường là các chủng thuộc giống *Saccharomyces*, chúng có khả năng hấp thụ các chất dinh dưỡng trong môi trường nước mạch nha như các loại đường hoà tan, các hợp chất nitơ vitamin và các nguyên tố vi lượng...qua màng tế bào. Sau khi hấp thụ được các chất dinh dưỡng thì hàng loạt những phản ứng sinh hóa xảy ra mà đặc trưng chính là quá trình trao đổi chất để chuyển hoá các chất này thành những dạng cần thiết cho quá trình phát triển và lên men của nấm men được tiến hành.

Câu 2: Nấm *Aspergillus oryzae* là loài mốc chính trong quá trình làm tương và tương do *Aspergillus oryzae* lên men ngon hơn các loại khác. Giải thích.

Trả lời:

- Nấm *Aspergillus oryzae* là loài mốc chính trong quá trình làm tương và tương do *Aspergillus oryzae* lên men ngon hơn các loại khác vì loại mốc này có khả năng phân giải tinh bột của gạo nếp thành đường làm cho tương có vị ngọt, thơm.
- Nấm mốc *Aspergillus oryzae* và vi khuẩn hữu ích *Bacillus subtilis* chứa nhiều enzyme amylase chuyển hóa tinh bột của xôi thành đường và enzyme proteaza chuyển hóa protein đậu tương thành amino acid (acid amin), nên tương vừa có vị ngọt của đường, vừa có vị ngọt của nước dùng gà, còn có loại axit amin làm cho tương có hương thơm đặc trưng.

Câu 3: Nấm truffle là gì? Vì sao nấm truffle lại đắt đỏ?

Trả lời:

- Nấm truffle là loại nấm rất giàu chất dinh dưỡng và chất chống oxy hóa... có rất nhiều tác dụng đối với con người.
- Nấm truffle rất đắt đỏ vì:
- Nấm truffle có khả năng tiêu diệt tế bào ung thư, kháng khuẩn, chống oxy hóa...
- Loại nấm đặc biệt này hoàn toàn tự nhiên và có hương thơm cực kỳ độc đáo.
- Không thể bảo quản được lâu.

- Chúng hiếm và hoàn toàn tự nhiên, chỉ sinh trưởng ở một số điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu nhất định ở một vài mảnh đất châu Âu.
- Con người không thể trực tiếp tìm được nấm truffle mà phải thông qua chó hoặc lợn đánh hơi. Ngoài ra, việc trồng nấm truffle chưa có thành công đáng kể về số lượng cũng như chất lượng.

Câu 4: Kể tên một số loài nấm độc ở Việt Nam mà em biết.

Trả lời:

Một số loài nấm độc ở Việt Nam: Nấm độc tán trắng (*Amanita verna*), nấm độc trắng hình nón, nấm độc khía nâu xám, nấm *Entoloma sinuatum*,....

4. VẬN DỤNG CAO (3 câu)

Câu 1: Nấm được ứng dụng như thế nào trong thực tiễn?

Trả lời:

- Thực phẩm: Nấm được sử dụng rộng rãi trong ẩm thực và chế biến thực phẩm.
- Y học: Nấm có các tính chất được lý và đã được sử dụng trong y học truyền thống và hiện đại. Nhiều loại nấm được cho là có tính chất chống vi khuẩn, chống viêm, và tăng cường sức khỏe.
- Sinh học: Nấm được sử dụng trong nhiều ứng dụng sinh học, bao gồm trong sản xuất men, sản xuất thức ăn cho thú cưng, và trong phân hủy chất hữu cơ.
- Môi trường: Nấm có khả năng phân hủy chất hữu cơ và có thể được sử dụng trong quá trình xử lý chất thải hữu cơ và tái chế.
- Nấm y học: Nấm còn được sử dụng trong sản xuất các loại thuốc hoặc bổ sung dinh dưỡng, như các loại nấm linh chi, nấm maitake, nấm agaricus và nhiều loại nấm khác.

Câu 2: Nói “các loài nấm có màu sắc sặc sỡ đều là nấm độc” đúng hay sai? Lấy ví dụ minh họa. Có nên cho động vật, bò, gà ăn nấm để biết loài nấm đó độc hay không không?

Trả lời:

- Nói “các loài nấm có màu sắc sặc sỡ đều là nấm độc” là sai vì có loài nấm màu sắc đơn giản có độc tính chết người hoặc nấm có màu sắc sặc sỡ chứa nhiều chất tốt cho sức khỏe con người.

- Ví dụ: Nấm đen nhạt, nấm độc tán trắng (*amanita verna*), nấm độc trắng hình nón (*amanita virosa*,....
- Việc kiểm chứng nấm độc bằng thử cho chó, gà... ăn trước chỉ đúng với một số loài nấm độc tác dụng nhanh và các loài này thường không gây chết người, còn hầu hết loài nấm gây chết người có tác dụng chậm, phải 24 - 48 giờ sau ăn nấm mới xuất hiện triệu chứng đầu tiên nên không thể nhận biết ngay nấm có độc hay không.

Câu 3: Ta nên làm gì khi bị ngộ độc nấm?

Trả lời:

Khi có người có biểu hiện ngộ độc nấm cần nhanh chóng gây nôn (bằng biện pháp cơ học):

- Trong vòng vài giờ sau ăn nấm (tốt nhất trong giờ đầu tiên) nếu bệnh nhân là người trên 2 tuổi, tỉnh táo, chưa nôn nhiều. Cho bệnh nhân uống nước và gây nôn.
- Uống than hoạt: Liều 1g/kg cân nặng người bệnh. Cho người bệnh uống đủ nước, tốt nhất là dùng oresol. Nhanh chóng đưa người bệnh đến cơ sở y tế gần nhất.
- Nếu người bệnh hôn mê, co giật: Cho người bệnh nằm nghiêng. Nếu người bệnh thở yếu, ngừng thở: Hà hơi thổi ngạt hoặc hô hấp nhân tạo bằng các phương tiện cấp cứu có tại chỗ. Khi đã được điều trị tại cơ sở y tế không tự về nhà trong 1 - 2 ngày đầu kể cả khi các biểu hiện ngộ độc ban đầu đã hết.
- Ngộ độc nấm loại biểu hiện muộn cần được điều trị tại các cơ sở y tế có phương tiện hồi sức tích cực tốt (thường tuyến tỉnh trở lên).

B. THỰC VẬT

1. NHẬN BIẾT (6 câu)

Câu 1: Thực vật được chia thành các nhóm khác nhau dựa trên đặc điểm nào?

Trả lời:

Thực vật được phân chia thành nhiều nhóm dựa trên các đặc điểm: có mạch dẫn hoặc không có mạch dẫn, có hạt hoặc không có hạt, có hoa hoặc không có hoa.

Câu 2: Rêu có đặc điểm gì?

Trả lời:

Rêu là nhóm thực vật bậc thấp, thường mọc thành từng thảm, cây chưa có rễ chính thức, chưa có mạch dẫn. Rêu sống ở những nơi ẩm ướt (chân tường, trên thân cây to); đại diện: cây rêu tường.

Câu 3: Dương xỉ có đặc điểm gì?

Trả lời:

Dương xỉ là nhóm thực vật có tổ chức cơ thể gồm rễ, thân, lá (lá khi còn non thường cuộn lại ở đầu), có hệ mạch dẫn với chức năng vận chuyển các chất trong cây, sinh sản bằng bào tử. Dương xỉ rất đa dạng, thường sống nơi đất ẩm, chân tường, dưới tán cây trong rừng; đại diện: cây dương xỉ.

Câu 4: Trình bày đặc điểm của thực vật hạt trần.

Trả lời:

Hạt trần là nhóm thực vật bậc cao, sống trên cạn, cấu tạo phức tạp: thân gỗ, có mạch dẫn trong thân, hạt nằm lộ trên noãn (gọi là Hạt trần), chưa có hoa và quả, cơ quan sinh sản là nón (nón thông).

Câu 5: Trình bày đặc điểm của thực vật hạt kín.

Trả lời:

Hạt kín là nhóm thực vật tiến hoá nhất về sinh sản, các cơ quan rễ, thân, lá biến đổi đa dạng, thân có hệ mạch dẫn hoàn thiện, cơ quan sinh sản là hoa, hạt được bảo vệ trong quả, môi trường sống đa dạng (môi trường nước, môi trường cạn).

Câu 6: Nêu vai trò của thực vật.

Trả lời:

- Trong tự nhiên, thực vật là thức ăn của nhiều loài sinh vật khác. Thực vật cung cấp nơi ở, nơi sinh sản cho nhiều loài sinh vật,... Thực vật góp phần giữ cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxide trong không khí, điều hoà khí hậu, chống xói mòn đất.
- Thực vật có vai trò quan trọng trong thực tiễn như cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu làm thuốc, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, làm cảnh, ...

2. THÔNG HIỂU (4 câu)

Câu 1: So sánh điểm giống và khác nhau giữa rêu và dương xỉ.

Trả lời:

Giống nhau:

- Thân và lá thật.
- Lá có chất diệp lục.
- Thực hiện các quá trình: quang hợp, hô hấp, hút nước...
- Sinh sản bằng bào tử.
- Cơ quan sinh sản túi bào tử.

Khác nhau:

	Rêu	Dương xỉ
Rễ	Rễ giả	Rễ thật
Thân	Thân ngắn, không phân nhánh	Thân hình trụ
Lá	Lá nhẹ, mỏng	Lá non đầu cuộn tròn, lá già có cuống dài
Mạch dẫn	Không có	Có
Vị trí cơ quan sinh sản	Ngọn cây	Mặt dưới lá già

Câu 2: So sánh điểm giống và khác nhau giữa thực vật hạt trần và thực vật hạt kín.

Trả lời:

Đặc điểm		Thực vật hạt trần	Thực vật hạt kín
Cơ quan sinh dưỡng	Rễ	Rễ thật	Rễ thật
	Thân	Thân có hệ mạch dẫn	Thân có hệ mạch dẫn

	Lá	Chủ yếu lá lá kim	Hình dạng lá đa dạng
Cơ quan sinh sản	Nón	Có nón	Không có nón
	Hoa	Không có hoa	Có hoa
	Quả	Không có quả	Có quả
	Hạt	Hạt trần	Hạt kín

Câu 3: Lấy ví dụ về thực vật hạt trần và thực vật hạt kín.

Trả lời:

Ví dụ:

Thực vật hạt trần: cây thông

Thực vật hạt kín: cây táo, cây đậu xanh, cây cà chua, cây đào.

Câu 4: Trong các loài thực vật sau, đâu là thực vật không có mạch; đâu là thực vật có mạch, không có hạt; đâu là thực vật hạt trần; đâu là thực vật hạt kín?

- | | | |
|--------------|---------------|-------------|
| 1. Hoàng đàn | 2. Xương rồng | 3. Rau bợ |
| 4. Rêu | 5. Quyết | 6. Vụn tuế |
| 7. Dương xỉ | 8. Rêu tường | 9. Kim giao |
| 10. Bao báp | 11. Nong tằm | 12. Bèo tấm |

Trả lời:

Thực vật không có mạch: 4, 5, 8

Thực vật có mạch, không có hạt: 3, 7

Thực vật hạt trần: 1, 6, 9

Thực vật hạt kín: 2, 10, 11, 12

3. VẬN DỤNG (4 câu)

Câu 1: Kể tên một vài loài thực vật gây hại cho con người, chúng gây hại như thế nào?

Trả lời:

- Cây coca có chứa chất cocaine, là chất kích thích hệ thần kinh trung ương mạnh, sử dụng liên tục cocaine có thể sẽ gây nên tình trạng nghiện.
- Cây trúc đào: Nhựa cây trúc đào chứa chất glucoside, khi chất này vào cơ thể sẽ gây ra các triệu chứng như nôn dữ dội, người mệt mỏi, nhức đầu, chóng mặt, đau bụng, có thể trụy tim, tụt huyết áp, hôn mê, rối loạn nhịp tim.

Câu 2: Than đá được hình thành như thế nào?

Trả lời:

Những loài dương xỉ cổ đại có thân gỗ cao lớn, sống cách đây khoảng gần 300 triệu năm, làm thành những khu rừng rộng lớn trên Trái Đất. Khi các cây trong rừng dương xỉ cổ đại chết đi sẽ tích tụ một lượng lớn chất carbon trong đất. Qua quá trình lịch sử lâu dài của Trái Đất, carbon tích tụ trong đất sẽ biến đổi thành than đá mà ngày nay chúng ta vẫn dùng.

Câu 3: Thực vật nào ảnh hưởng lớn đến duy trì đa dạng sinh học toàn cầu?

Trả lời:

- Một trong những loài thực vật được biết đến với vai trò quan trọng trong việc duy trì đa dạng sinh học toàn cầu là "kelp" (tảo bẹ). Tảo bẹ được coi là một loài thực vật quan trọng trong hệ sinh thái biển, đặc biệt là trong các kelp forest (rừng tảo bẹ). Chúng là một loài "keystone species" (loài chủ chốt) trong môi trường sống của chúng.
- Tảo bẹ là một loại rong biển mọc ở các khu rừng dưới nước được gọi là rừng tảo bẹ. Những khu rừng này được tìm thấy ở các vùng ôn đới và địa cực trên khắp thế giới. Sinh vật này là một phần quan trọng của hệ sinh thái đại dương, cung cấp thức ăn và nơi trú ẩn các sinh vật biển, giúp loại bỏ carbon dioxide khỏi khí quyển.
- Rừng tảo bẹ là một trong những hệ sinh thái quan trọng nhất và ít được biết đến nhất. Chúng đóng một vai trò quan trọng trong việc duy trì sức khỏe của các đại dương và Trái Đất. Chúng cung cấp môi trường sống cho nhiều loài sinh vật biển và hỗ trợ chuỗi thức ăn cả trên cạn và dưới nước.

Câu 4: Sự đa dạng thực vật được ứng dụng trong y học và ngành công nghiệp như thế nào?

Trả lời:

- Y học: Các loại thực vật được sử dụng làm nguồn dược liệu để sản xuất các loại thuốc. Các thành phần hoá học tự nhiên từ thực vật, như alkaloid, flavonoid, và terpenoid, thường được sử dụng để tạo ra các loại thuốc chữa bệnh. Ngoài ra, nhiều loài thực vật cũng được sử dụng để nghiên cứu và phát triển các phương pháp điều trị bệnh tật.
- Công nghiệp: Sự đa dạng thực vật cung cấp nguồn nguyên liệu quan trọng cho ngành công nghiệp, bao gồm nguyên liệu sản xuất thức ăn, dược phẩm, mỹ phẩm, và vật liệu xây dựng. Ngoài ra, một số loại thực vật cung cấp gỗ cho ngành công nghiệp chế biến gỗ.
- Sinh học và công nghệ sinh học: Sự đa dạng thực vật cung cấp nguồn nguyên liệu quan trọng cho nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực sinh học và công nghệ sinh học, bao gồm việc nghiên cứu gen, tạo ra các loại thực phẩm biến đổi gen, và sản xuất nhiên liệu sinh học.

4. VẬN DỤNG CAO (3 câu)

Câu 1: Kể tên một số loài thực vật được dùng làm thuốc ở Việt Nam. Chúng có công dụng gì?

Trả lời:

- Cây cỏ ngươì còn được gọi là cây mắc cỡ, trinh nữ thảo,... có công dụng giảm đau, hạ huyết áp, an thần, giúp trấn tĩnh tinh thần, giảm ho, tiêu đàm. Rễ của cây cỏ ngươì có công dụng thanh nhiệt giải độc và khu phong trừ thấp.
- Cây khổ sâm: có tác dụng kháng khuẩn, kháng ký sinh trùng, an thần, lợi tiểu và chống dị ứng, thường để điều trị các chứng bệnh liên quan đến đường tiêu hóa như đầy bụng, chàm tiêu, viêm loét dạ dày tá tràng...
- Cây tầm gửi cây dâu hay còn gọi là tang ký sinh, công dụng bổ can thận, làm mạnh gân cốt, trừ phong thấp, an thai, lợi sữa, chống oxy hóa, chống viêm, lợi tiểu, làm hạ huyết áp.
- Cây cỏ tranh có tác dụng trừ phục nhiệt (nhiệt ẩn tàng ở bên trong), tiêu ứ huyết, lợi tiểu tiện và tẩy độc cho cơ thể. Dùng chữa trị chứng nội nhiệt phiền khát, tiểu tiện khó khăn, đái ra máu, thổ huyết, máu cam... Hoa cỏ tranh có tác dụng cầm máu.

Câu 2: Trình bày thực trạng rừng nước ta.

Trả lời:

- Rừng cung cấp cho không khí từ 16 – 30 tấn oxygen/1 ha rừng/năm. Ở Việt Nam, thực trạng chặt phá rừng là vấn đề hết sức nghiêm trọng. Theo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), chỉ trong hơn 5 năm từ 2012 – 2017, diện tích rừng tự nhiên bị mất do chặt phá rừng trái pháp luật chiếm 11%.
- Theo Quyết định số 1423/QĐ-BNN-TCLN, hiện trạng rừng Việt Nam tính đến ngày 31/12/2019, diện tích đất có rừng là 14.609.220 ha, trong đó có 10.292.434 ha rừng tự nhiên và 4.316.786 ha rừng trồng. Diện tích đất có rừng đủ tiêu chuẩn để tính tỉ lệ che phủ toàn quốc là 13.864.223 ha, tỉ lệ che phủ đạt 41,89%.

Câu 3: Trình bày sự tương tác giữa các loại thực vật để duy trì sự đa dạng sinh học?

Trả lời:

- Cạnh tranh và hỗ trợ: Các loài thực vật có thể cạnh tranh với nhau để tìm kiếm nguồn tài nguyên như ánh sáng, nước và chất dinh dưỡng. Tuy nhiên, tại cùng một thời điểm, các loài thực vật cũng có thể tạo ra các mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau thông qua việc chia sẻ tài nguyên và tương tác sinh học.
- Tương tác sinh học: Các loài thực vật có thể tương tác với nhau thông qua quá trình thụ phấn, tạo ra sự kết hợp gen đa dạng và mạnh mẽ. Từ đó có thể tạo ra các loài mới với các đặc điểm sinh học mới và tăng đa dạng sinh học.
- Phát triển hệ sinh thái: Các loài thực vật có thể cùng nhau tạo ra một môi trường sống phong phú và ổn định cho các loài động vật khác, từ đó duy trì sự đa dạng sinh học ở cấp độ quần thể và hệ sinh thái.
- GV cho HS trình bày trước lớp kết quả hoạt động
- GV nhận xét kết luận :

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập	

- Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Trao đổi, thảo luận	
--------------------------------------	---	-----------------------	--

V. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

* Chuẩn bị ở nhà

Hướng dẫn HS tự học ở nhà và chuẩn bị bài tiết học tiếp theo:

- Hoàn thành bài tập ở nhà: hoàn thành hoạt động vận dụng và làm bài tập
- Chuẩn bị cho bài kiểm tra giữa kì 2

Tuần 26

Ngày soạn: 04/03/2025

Tiết 44

Ngày dạy: 23/03/2025

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2.

- **Thời gian làm bài:** 90 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** 50% trắc nghiệm, 50% tự luận

- **Cấu trúc:**

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai (2 điểm). Gồm 2 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần III: Tự luận (5 điểm)

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

T T	Chủ đề/ Chươn g	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai”			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vậ n dụn g	Biết	Hiểu	Vậ n dụn g	Biết	Hiểu	Vận dụn g	Biết	Hiểu	Vậ n dụn g	Biết	Hiểu	V ậ n dụ ng	
1	1. Đa dạng thế giới sống (22 tiết)		0,75	0,75	0,75	0,5	0,5	0,5	0,25	0,25	1,0	1,0	1,0		2,5	2,5	2,5	100%
2	2. vật liệu, nhiên liệu, nguyên		0,25	0,25	0,25	0,5	0,5		0,25		0,25			1,0	1,0	0,25	1,25	

	liệu (8 tiết)																
Tổng số câu/Số ý		4	4	4	4	2	2	4	2	2	1	1	1	13	5	5	28
Tổng số điểm		3,0			2,5			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %		30%			20%			20%			30%			40%	30%	30%	100%

b) Bản đặc tả

Chủ đề/Chương	Nội dung đơn vị kiến thức	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Câu hỏi			
				PA	ĐS	TLN	TL
1. Đa dạng thế giới sống (22 tiết)	1. Thực hành quan sát các loại nấm	Nhận biết	- Trình bày được cách quan sát, mô tả được đặc điểm và hệ thống được các đặc điểm của các mẫu nấm quan sát. - Nhận dạng được nấm trong tự nhiên và mô tả được đặc điểm của các đại diện nấm HS bắt gặp trong tự nhiên, thực hiện trông thử 1 mẫu nấm đảm có ích.	C1			

		Thông hiểu	Thực hiện quan sát bằng mắt thường, sử dụng kính lúp, kính hiển vi để quan sát một số mẫu nấm; hệ thống và trình bày được kết quả quan sát thông qua báo cáo thu hoạch.				
		Vận dụng	- Nhận dạng được nấm trong tự nhiên và mô tả được đặc điểm của các đại diện nấm HS bắt gặp trong tự nhiên, thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích.				
	2. Thực vật	Nhận biết	- Nhận biết được thế giới thực vật đa dạng, phong phú về loài, kích thước và môi trường sống.	C2, C3	C13a, C13b	C15a	
		Thông hiểu	- Phân biệt được hai nhóm thực vật có mạch và không có mạch.		C13c, C13d		

		Vận dụng	Vận dụng kiến thức đã học vào việc bảo vệ môi trường và có ý thức trong việc bảo vệ và trồng cây tại gia đình, nhà trường và địa phương.				
3. Tìm hiểu sinh vật ngoài tự nhiên	Nhận biết	- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (ví dụ: cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật,..)					
	Thông hiểu	- Phân loại một số nhóm sinh vật.	C8				
	Vận dụng	- Sử dụng được khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.					

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 6

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 5 hoặc 6-10. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án trả lời

Đề 1

Câu 1. Thực vật được chia thành các ngành nào?

- A. Nấm, Rêu, Tảo và Hạt kín.
- B. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín.
- C. Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm.
- D. Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết.

Câu 2. Trong các nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là?

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.
- B. Cây nhãn, cây hoa ly, cây bào tằm, cây vạn tuế.
- C. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.
- D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

Câu 3. Rừng tự nhiên không có vai trò nào sau đây?

- A. Điều hòa khí hậu.
- B. Cung cấp đất phi nông nghiệp.
- C. Bảo vệ đất và nước trong tự nhiên.
- D. Là nơi ở của các loài động vật hoang dã.

Câu 4. Việt Nam có độ đa dạng sinh học xếp thứ bao nhiêu trên thế giới?

A. 17.

B. 16.

C. 18.

D. 15.

Câu 5. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO_2 .

B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO_2 và O_2 .

C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O_2 .

D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO_2 .

Đề 2

Câu 6. Đặc điểm nào không được dùng để phân loại các nhóm Thực vật?

A. Có mạch dẫn hoặc không có mạch dẫn.

B. Có hạt hoặc không có hạt.

C. Có rễ hoặc không có rễ.

D. Có hoa hoặc không có hoa.

Câu 7. Đâu không phải là cơ chế giúp thực vật có thể hạn chế xói mòn?

A. Tán cây giúp cản dòng nước mưa dội trực tiếp vào bề mặt đất.

- B. Cành và thân cây giúp nước mưa chảy xuống lớp thảm mục, ngấm vào lòng đất và hoà cùng mạch nước ngầm.
- C. Tạo chất dinh dưỡng, phù sa bồi đắp cho đất ven bờ biển.
- D. Rễ cây giúp giữ đất không bị rửa trôi trước sức chảy của dòng nước.

Câu 7. Các phát biểu sau là đúng hay sai?

- a) Ổ dương xỉ, các túi bào tử nằm ở mặt dưới của lá.
- b) Rêu có mạch, có rễ thật và sinh sản bằng bào tử.
- c) Dựa vào vị trí của hạt để phân biệt hạt kín và hạt trần.
- d) Thực vật hạt kín tiến hoá hơn cả vì có cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản cấu tạo phức tạp, đa dạng.

Câu 8.

- a. Bộ phận nào dưới đây chỉ xuất hiện ở ngành Hạt trần mà không xuất hiện ở các ngành khác?
- b. Ở Việt Nam đã phát hiện bao nhiêu loài thực vật?
- c. Thực vật có mạch được chia thành mấy nhóm chính?
- d. Thực vật ở cạn đầu tiên là?

Câu 9. Đặc điểm nào sau đây là đặc trưng của nhóm thực vật có hoa?

- | | |
|--------------------------------|--|
| A. Không có hoa, quả hoặc hạt. | C. Có rễ, thân, lá nhưng không có hoa. |
| B. Có hoa, quả và hạt. | D. Có thân cứng, không có lá. |

Câu 10. Loài thực vật nào thuộc nhóm thực vật rêu?

A. Hoa mai B. Dương xỉ C. Thông D. Rêu mốc

PHẦN II: Tự luận.

Câu 11.

- a. Nêu một số đặc điểm của thực vật có mạch.
- b. Nêu một số tác hại của động vật trong tự nhiên và đời sống.

Câu 12. Đề xuất các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 6

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 5 hoặc 6-10 (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	B	C	D	A	B	B	B	C	D	C

PHẦN II: Tự luận.

	Nội dung	Điểm
Câu 11	a. - Thực vật có mạch là nhóm các loài thực vật có thân, lá, rễ thật và cơ thể có mạch dẫn.	0,25

	- Dương xỉ là đại diện của nhóm thực vật có mạch; sinh sản bằng bào tử (0,25). Chúng thường sống ở những nơi ẩm, mát như: bờ ruộng, chân tường, dưới tán rừng (0,25)	0,25
Câu 12	- Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật. Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.	0,25
	- Xây dựng các khu bảo tồn nhằm bảo vệ các loài sinh vật, trong đó có các loài quý hiếm.	0,25
	- Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.	0,25

Lưu ý: - Không làm tròn tổng điểm toàn bài.

- Học sinh trình bày hoặc giải bằng cách khác **đúng** cho điểm tương đương